

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

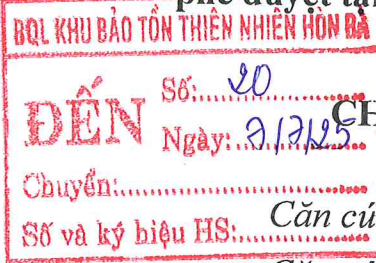
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1948 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, giai đoạn 2023-2029 được ~~phê duyệt~~ tại Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Du lịch ngày 19/6/2017; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kết quả rà soát, chuyển loại rừng tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh



Khánh Hòa về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 - 2029 của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà;

Căn cứ Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, giai đoạn 2023 - 2029.

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

Theo đề nghị của Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà tại Tờ trình số 477/TTr-BQL ngày 27/6/2025 về việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2023 - 2029 và Báo cáo số 238/BC-SNNMT ngày 29/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, giai đoạn 2023 - 2029 được phê duyệt tại Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh khoản 3 Điều 1 Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh như sau:

“**Phạm vi thực hiện Đề án:** Trên toàn bộ diện tích 19.285,61 ha của Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, gồm 03 phân khu như sau:

- Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích là 9.519,16 ha;
- Phân khu Phục hồi sinh thái có diện tích là 9.553,29 ha;
- Phân khu Dịch vụ - Hành chính có diện tích là 213,16 ha”.

2. Điều chỉnh khoản 8 Điều 1 Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh như sau:

“**8. Các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí**

- Sản phẩm du lịch sinh thái: Du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch kết hợp nghiên cứu sinh vật, khí hậu.

- Sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng: Du lịch nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe nâng cao chất lượng cuộc sống tại các điểm du lịch sinh thái.

- Sản phẩm du lịch thể thao, mạo hiểm (đi bộ, leo núi) tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm và các quy định khác có liên quan.

- Sản phẩm du lịch tắm suối, thác, cắm trại,...

3. Bổ sung nội dung khoản 9 Điều 1 Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh như sau:

3.1. Bổ sung hai điểm du lịch tại điểm 9.1. Phương án phát triển các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

“- Điểm du lịch Suối Cá: Thuộc khoảnh 6, 8 tiểu khu 233 và khoảnh 5, 7, 9, 10 tiểu khu 235, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, với tổng diện tích là 452 ha.

- Điểm du lịch Suối Giang Mây: Thuộc khoảnh 4, 5, 6, 7 tiểu khu 238 và khoảnh 1, 2, 4, 5 tiểu khu 239, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, với tổng diện tích là 327,51 ha”.

3.2. Điều chỉnh, bổ sung điểm 9.2. Phương án phát triển các tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

“- Tuyến du lịch 01: Tuyến đường nhựa bắt đầu từ chân núi lên đỉnh Hòn Bà có tổng chiều dài tuyến 36 km với quy mô 67,91 ha thuộc khoảnh 4, 5, 6 tiểu khu 232; khoảnh 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 234; khoảnh 8, 9 tiểu khu 233; khoảnh 1, 2, 3, 4, 6 tiểu khu 237; khoảnh 5 tiểu khu 208.

- Tuyến du lịch 02: Đỉnh Hòn Bà - Pơ mu, Thông lá dẹt, có chiều dài tuyến 9,94 km với quy mô 216,66 ha thuộc khoảnh 9 tiểu khu 209; khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 212; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tiểu khu 213; khoảnh 4 tiểu khu 240; khoảnh 1 tiểu khu 237A.

- Tuyến du lịch 03: Đỉnh Hòn Bà - Yang Bay (Khánh Phú), có chiều dài tuyến 20,7 km với quy mô 232,88 ha thuộc khoảnh 1, 3, 5, 6, 9, 10 tiểu khu 204; khoảnh 3, 4 Tiểu khu 204a; khoảnh 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Tiểu khu 209; khoảnh 1 tiểu khu 212; khoảnh 1, 2 tiểu khu 213.

- Tuyến du lịch 04: Đỉnh Hòn Bà - Km 21, có chiều dài tuyến 10,9 km với quy mô 135,10 ha thuộc khoảnh 3, 4, 5, 7 tiểu khu 237; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tiểu khu 240.

- Tuyến du lịch 05: Đỉnh Hòn Bà - Thác Tà Gụ (Khánh Sơn), có chiều dài tuyến 18,3 km với quy mô 160,61 ha thuộc khoảnh 7 tiểu khu 213; khoảnh 4, 5, 7, 8 tiểu khu 240; khoảnh 5 tiểu khu 241; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 262; khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 263; khoảnh 1 tiểu khu 268.

- Tuyến du lịch 06: Suối Giang Mây (Km 27 - Km 21), có chiều dài tuyến 5,3 km với quy mô 72,32 ha thuộc khoảnh 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 237; khoảnh 1, 5 tiểu khu 240.

- Tuyến du lịch 07: Thung lũng Ô Kha (Chi Chay - Thung lũng Ô Kha), có chiều dài tuyến 26,41 km với quy mô 199,73 ha thuộc khoảnh 2, 3, 4, 5 tiểu khu 239; khoảnh 1, 3, 5, 6 tiểu khu 242; khoảnh 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 272”.

- Tuyến 08: Km 20 - Xã Sơn Trung tổng chiều tuyến khoảng 13,42 km với quy mô 162,83 ha thuộc khoảnh 4 tiểu khu 237; khoảnh 3, 6, 7, 8 tiểu khu 240; khoảnh 1, 2, 3, 5 tiểu khu 241; khoảnh 1 tiểu khu 242; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 268.

- Tuyến 09: Km 20 - Suối Cá có tổng chiều dài tuyến khoảng 7,19 km với quy mô 93,65 ha thuộc khoảnh 4, 5, 6, 7, 8, 10 tiểu khu 235; khoảnh 1, 4 tiểu khu 237”.

4. Điều chỉnh, bổ sung khoản 10 Điều 1 Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh như sau:

“10.1. Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

10.1.1. Vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện

Vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện 05 điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và 09 tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà thể hiện cụ thể từng khu vực của 05 điểm và 09 tuyến được thể hiện chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

10.1.2. Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

Chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình, định hướng đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông tại 05 điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và 09 tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được thể hiện chi tiết tại Phụ lục II, Phụ lục III và Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch tỷ lệ 1/25.000 (thể hiện vị trí dự kiến khu vực bố trí công trình bằng việc khép tọa độ trên Bản vẽ); Bản đồ tỷ lệ 1/25.000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo.

10.2. Nguyên tắc xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các khu rừng

Xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng tuân thủ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ và Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14, phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

+ Không ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, không chặt phá rừng; các công trình xây dựng phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

+ Không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất.

+ Không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa.

+ Chủ dự án chịu trách nhiệm bảo vệ, bảo tồn, phát triển tài nguyên rừng trên diện tích tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của chủ rừng.

- Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà được lập các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng, tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu dành cho người đi bộ.

- Trong phân khu phục hồi sinh thái của Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà:

+ Được lập các tuyến đường bộ phù hợp nhưng tối đa không vượt quá quy mô đường ô tô cấp IV miền núi, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, cầu dành cho người đi bộ.

+ Được xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ, nổi trên mặt nước, trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống theo thực tế khi tiến hành đo đạc tổ chức thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại mỗi điểm, tuyến thuê môi trường).

+ Tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng thuộc phân khu này.

- Trong phân khu dịch vụ hành chính của Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà:

+ Được xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống tính theo độ tàn che của cây rừng.

+ Được xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

+ Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ và Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.

+ Tổng diện tích công trình không vượt quá 5% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.

5. Điều chỉnh, bổ sung nội dung mục a, b, c điểm 12.2 khoản 12 Điều 1 Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh như sau:

“a) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Khi xây dựng các công trình mới hay nâng cấp việc đầu tư, xây dựng và khai thác du lịch trong các khu rừng đặc dụng phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi

trường, Luật Lâm nghiệp. Các hoạt động xây dựng cần có đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.

- Có phương án quản lý rác thải và nước thải cho tất cả các điểm, tuyến du lịch và có biện pháp thu gom và xử lý theo đúng quy định. Quản lý rác thải chú trọng phân loại từ nguồn dựa trên nguyên tắc giảm thải, tái sử dụng, tái chế nếu có thể. Bố trí linh hoạt các điểm thu gom rác ở những vị trí hợp lý để du khách và nhân viên có thể vứt rác đúng chỗ tạo thuận lợi cho quá trình thu gom và phân loại rác được dễ dàng hơn.

- Ban quản lý có kế hoạch giám sát và đánh giá dài hạn để đảm bảo giám sát và giảm thiểu được các tác động tới môi trường từ khi lập kế hoạch, đầu tư và khai thác.

- Xây dựng hệ thống biển báo, tờ rơi... nhằm tuyên truyền cho du khách chấp hành nghiêm chỉnh Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật có liên quan và nội quy, quy chế của Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà khi tham gia du lịch.

- Giảm thiểu chất thải và xử lý nước thải:

+ Hạn chế sử dụng túi đựng thực phẩm, bao bì nilon cũng là biện pháp giảm thiểu chất thải hiệu quả.

+ Mỗi khu vực, cần xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp trước khi đổ ra cống xả nước chung và tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý nước thải ra môi trường.

- Tiết kiệm nước và năng lượng:

+ Bảo vệ nguồn nước chính là hành động tiết kiệm, giảm lãng phí nước trong quá trình sử dụng. Vừa tận dụng được nước mưa từ thiên nhiên vừa tiết kiệm được nguồn nước sạch, tránh gây lãng phí. Ngoài ra cần sử dụng các trang thiết bị tiết kiệm nước.

+ Tiết kiệm năng lượng đối với các cơ sở lưu trú, đối với các trang thiết bị văn phòng phục vụ du lịch bằng cách: Thiết kế hạ tầng lưu trú theo hướng thân thiện với môi trường, lấy ánh sáng tự nhiên; Sử dụng các trang thiết bị văn phòng hiện đại, tiết kiệm năng lượng; Ưu tiên sử dụng năng lượng sạch như năng lượng mặt trời, năng lượng gió. Đối với phương tiện đưa đón, di chuyển khách du lịch: ưu tiên sử dụng các phương tiện hiện đại, thân thiện với môi trường như xe điện, xe đạp...

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về đánh giá tác động môi trường và bảo vệ môi trường đối với các hoạt động du lịch.

- Tổ chức theo dõi thường xuyên những biến động để có những giải pháp kịp thời khắc phục sự cố, tình trạng xuống cấp về tài nguyên thiên nhiên và môi trường du lịch.

- Xử lý kịp thời, đúng quy định đối với tổ chức, cá nhân có hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Chất thải phát sinh của dự án sẽ được quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật và hồ sơ môi trường được duyệt.

b) Giải pháp về quản lý bảo vệ và phát triển rừng

- Tổ chức thực hiện nghiêm các biện pháp tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn triệt để tình trạng phá rừng; khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản và các động vật thực hoang dã; tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng lửa trong rừng, có kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm. Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà hàng năm xây dựng kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương, công an, quân đội, Hạt kiểm lâm địa phương vùng giáp ranh tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái phép, phòng cháy chữa cháy rừng và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định.

- Nâng cao năng lực bảo tồn, quản lý bảo vệ rừng và đa dạng sinh học cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà; xây dựng các chương trình, kế hoạch nhằm bảo tồn các loại động vật đặc hữu và quý hiếm.

- Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học tại Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà. Tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế thực hiện các chương trình, dự án bảo tồn, hỗ trợ cộng đồng tại khu vực.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; bảo tồn đa dạng sinh học, ưu tiên các loài nguy cấp, quý, hiếm; cập nhật thông tin diễn biến tài nguyên rừng cho từng lô trạng thái, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và đất rừng cho các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Xác định rõ ranh giới, diện tích các tuyến, điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên bản đồ và ngoài thực địa bằng hệ thống biển báo.

- Trồng rừng nhằm mục đích tăng độ che phủ của khu vực tổ chức hoạt động du lịch, làm phong phú tài nguyên rừng, tạo môi trường sinh thái, có giá trị bảo tồn, nghiên cứu khoa học và nhân văn. Các biện pháp lâm sinh phải được tuân thủ theo thiết kế, cây giống và giám sát quy trình kỹ thuật.

- Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng chịu trách nhiệm lập nhà, lán bảo vệ rừng; phòng cháy chữa, cháy rừng; bảo vệ, chống chặt phá cây rừng; thực hiện các giải pháp quản lý bảo vệ và phát triển rừng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

c) Giải pháp về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, khách du lịch, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn; kết hợp hài hòa giữa giáo dục, động viên khen thưởng đi đôi với các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh, nhằm bảo vệ tốt tài nguyên thiên nhiên, bản sắc văn hóa, môi trường sinh thái.

- Xây dựng các tuyến, điểm du lịch sinh thái nhằm khai thác tốt cảnh quan thiên nhiên của tài nguyên rừng theo nguyên tắc: "Không làm thay đổi cảnh quan

thiên nhiên, không gây tác động xấu đến tài nguyên động thực vật trên cạn và dưới nước làm giảm tính đa dạng sinh học và gây ô nhiễm môi trường".

- Xây dựng các mô hình phát triển du lịch sinh thái để người dân địa phương chủ động tham gia công tác bảo vệ rừng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa bản địa và được hưởng lợi từ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí góp phần tạo việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho người dân thông qua các dự án du lịch.

- Phát triển du lịch sinh thái gắn với việc xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm ổn định cuộc sống của hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu bảo tồn; phát triển bền vững vùng đệm của khu bảo tồn.

- Không thực hiện những hành vi bị nghiêm cấm về đa dạng sinh học theo quy định tại Điều 7 Luật Đa dạng sinh học năm 2008.

- Thực hiện chính sách chia sẻ lợi ích đối với người dân địa phương, gắn với phát triển du lịch sinh thái; nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân".

6. Điều chỉnh, bổ sung Điều 2 Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh như sau:

"1. Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà

- Chủ rừng được cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đặc dụng thông qua hợp đồng cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Việc cho thuê môi trường rừng phải được tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ và các quy định khác liên quan.

- Chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân đã được lựa chọn, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm phù hợp: quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai Đề án du lịch sinh thái theo quy định; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ rừng để đảm bảo việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Sau khi lựa chọn được tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, chủ rừng báo cáo kết quả về cơ quan quản lý cấp trên để chỉ đạo, theo dõi và giám sát.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung, hoạt động của Đề án được phê duyệt; tổ chức xúc tiến, kêu gọi các dự

án đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và huy động nguồn vốn đầu tư hợp pháp nhằm triển khai đạt các mục tiêu đề ra của Đề án.

- Xây dựng hồ sơ tiêu chí kỹ thuật để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, công bằng và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Giá cho thuê môi trường rừng trong hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu theo thực tế được quy ra giá trị tuyệt đối thấp hơn mức giá trị tuyệt đối ghi trong hợp đồng ký kết thì số tiền tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng nộp cho chủ rừng tối thiểu bằng số tiền ghi trong hợp đồng.

- Quản lý, sử dụng kinh phí cho thuê môi trường rừng, các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và các nguồn thu khác có liên quan đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ rừng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng hoặc hợp tác, liên kết trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo đúng quy định của pháp luật. Sau thời gian 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc thuê môi trường rừng, nếu tổ chức, cá nhân không triển khai thực hiện dự án, chủ rừng xem xét chấm dứt hợp đồng, trừ trường hợp do thiên tai, dịch bệnh, trở ngại khách quan trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý và các sự kiện bất khả kháng khác do hai bên thỏa thuận.

- Xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tổ chức giám sát các hoạt động du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu vực của Đề án đã phê duyệt phải đảm bảo thường xuyên, liên tục và đánh giá theo định kỳ hàng năm hoặc giai đoạn theo quy định của pháp luật. Các tiêu chí giám sát bao gồm: Bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và sử dụng hợp lý cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường, số lượng khách du lịch...

- Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án trước ngày 10 tháng 12 hàng năm về Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định.

- Khi triển khai dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí nếu sử dụng đất kết hợp đa mục đích thì thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đầu tư, đất đai, du lịch, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Sau khi Chủ rừng lựa chọn được tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, chủ rừng báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để chỉ đạo, theo dõi và giám sát theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1

Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; kịp thời báo cáo UBND tỉnh những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền để xem xét giải quyết.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đảm bảo phù hợp với Phương án quản lý rừng bền vững, Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, giai đoạn 2023-2029 đã được UBND tỉnh phê duyệt và quy định pháp luật hiện hành.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và các quy định khác có liên quan. Kiểm tra chủ rừng trong việc quản lý, sử dụng kinh phí cho thuê môi trường rừng, các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và các nguồn thu khác theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng lập, thực hiện phương án, thủ tục bảo vệ môi trường, quản lý đất đai, sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo đúng quy định pháp luật trong thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả về UBND tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về du lịch theo nội dung Đề án được phê duyệt; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn đơn vị chủ rừng, các tổ chức, cá nhân hoạt động du lịch sinh thái theo đúng quy định pháp luật.

- Hỗ trợ công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư và liên kết, hợp tác phát triển du lịch sinh thái tại Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà với các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh gắn với định hướng phát triển sản phẩm du lịch, phát triển thị trường khách du lịch.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch theo giai đoạn và hàng năm đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch sinh thái tại Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà.

- Thực hiện có hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích quốc gia Nhà làm việc của nhà bác học A.Yersin nhằm góp phần quảng bá các giá trị văn hóa, danh nhân tiêu biểu ở Khánh Hòa đến với nhân dân, du khách trong nước và quốc tế; qua đó, giúp thu hút các nhà đầu tư du lịch, cũng như là du khách biết đến Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà ngày càng nhiều hơn.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan để hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu

tư thực hiện các thủ tục đầu tư phát triển du lịch theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà quản lý, sử dụng kinh phí cho thuê môi trường rừng các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và các nguồn thu khác có liên quan đảm bảo hiệu quả, đúng với quy định Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan về quản lý tài chính.

5. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, giao thông; quy hoạch xây dựng, giao thông, kiến trúc trong việc triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn việc áp dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường; chủ trì thẩm định quy hoạch chi tiết, hồ sơ thiết kế xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thuộc phạm vi Đề án.

6. Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Khánh Hòa

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tăng cường công tác truyền thông, quảng bá tiềm năng, lợi thế về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà để kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư và truyền tải thông tin đến khách du lịch.

7. Ủy ban nhân dân các xã có liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định chủ động phối hợp với Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà triển khai thực hiện tốt Đề án du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà được phê duyệt nhằm phát triển loại hình du lịch sinh thái gắn với môi trường, gìn giữ được giá trị hoang sơ của cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng địa phương một cách hiệu quả và bền vững; hỗ trợ thúc đẩy kêu gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư kinh doanh có hiệu quả trên địa bàn.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan trong việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân đã được lựa chọn, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng; chủ trì thẩm định và cấp phép xây dựng đối với công trình xây dựng theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

- Chỉ đạo các Phòng, Ban chức năng phối hợp, hỗ trợ Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái.

8. Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Hướng dẫn, hỗ trợ chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng trong việc thực hiện thỏa thuận đầu nối cấp điện để phục vụ cho kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi của Đề án du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà.

9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng

- Thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bên thuê môi trường rừng trong hợp đồng thuê môi trường rừng đã ký với Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà; sử dụng diện tích được thuê môi trường rừng đúng mục đích và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Liên kết các sản phẩm du lịch trong khu vực thuê môi trường rừng với các sản phẩm du lịch tại địa phương nhằm nâng cao giá trị bảo tồn và đa dạng các sản phẩm du lịch; ưu tiên thu hút và đào tạo lao động của địa phương thực hiện các dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Phối hợp với Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng thương hiệu du lịch sinh thái; quảng bá, xúc tiến phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh trong việc liên kết các sản phẩm du lịch; sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật”.

Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính; Xây dựng; Công thương; Khoa học và Công nghệ; Tổng biên tập Báo Khánh Hòa; Chủ tịch UBND các xã có liên quan; Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa; Giám đốc Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Tle, LV. 13

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục I.
QUY HOẠCH CÁC ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN HÒN BÀ, TỈNH KHÁNH HÒA, GIAI ĐOẠN 2023 – 2029

(Kèm theo Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
I	Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí							
1.1	Điểm du lịch sinh thái đỉnh Hòn Bà	Khoảnh 1 tiểu khu 213A, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh; khoảnh 1 tiểu khu 237A, Suối Cát, huyện Cam Lâm. Thuộc Phân khu dịch vụ, hành chính.	103,73	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng giàu (TXG): 70,42 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 29,76 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 0,01 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 2,93 ha; Diện tích khác (DTK): 0,61 ha. Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự túc; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
1.2	Điểm du lịch suối Dầu	Khoảnh 8, 9 tiểu khu 233 và khoảnh 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 234, xã Suối Cát; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 238 và khoảnh 1, 2 tiểu khu 239, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Thuộc Phân khu dịch vụ, hành chính và Phân khu phục hồi sinh thái.	447,45	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rộng trung bình (TXB): 45,58 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rộng nghèo kiệt (TXN): 15,75 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rộng nghèo kiệt (TXK): 86,54 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rộng chưa có trữ lượng (TXP): 2,56 ha; Rừng trồng khác núi đất (RTK): 45,4 ha; Rừng gỗ trồng núi đất (TG): 125,32 ha; Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR): 30,61 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 45,13 ha; Diện tích khác (DTK): 50,56 ha. Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật:	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự tổ chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
				Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.				
1.3	Điểm du lịch sinh thái check-in, ngắm cảnh và quan sát động, thực vật	Khoảnh 2, 4, 5, 6, 8, 9 tiểu khu 234; khoảnh 1, 2, 3, 4, 6 tiểu khu 237; khoảnh 1 tiểu khu 237A, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm và khoảnh 5 tiểu khu 208; khoảnh 8 tiểu khu 209, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh. Thuộc Phân khu dịch vụ, hành chính, Phân khu	121,75	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng giàu (TXG): 37,78 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 9,15 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 2,74 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 44,36 ha; Rừng hỗn giao núi đất (HG): 1,18 ha; Rừng trồng khác núi đất (RTK): 3,15 ha; Rừng gỗ trồng núi đất (TG): 8,57 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 5,93 ha; Diện tích khác (DTK): 8,89 ha.	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự túc; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
1.4	Điểm du lịch suối Cá	Khoảnh 6, 8 tiểu khu 233; khoảnh 5, 7, 9, 10 tiểu khu 235, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm. Thuộc Phân khu phục hồi sinh thái.	452,0	Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 0,04 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 8,42 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 299,53 ha; Rừng gỗ trồng núi đất (TG): 1,81 ha; Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR): 29,98 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 108,74 ha; Diện tích khác (DTK): 3,48 ha. Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật:	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự tổ chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Chưa cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
				Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.				
1.5	Điểm du lịch suối Giang Mây	Khoảnh 4, 5, 6, 7 tiểu khu 238; khoảnh 1, 2, 4, 5 tiểu khu 239, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm. Thuộc Phân khu phục hồi sinh thái.	327,51	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 40,9 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 105,64 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 48,68 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 76,26 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 56,03 ha. Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự túc; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Chưa cho thuê môi trường rừng
Tổng diện tích 05 điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí			1.452,44					

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
II	Tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí							
2.1	Tuyến du lịch 01: Tuyến đường nhựa bắt đầu từ chân núi lên đỉnh Hòn Bà	Khoảnh 4, 5, 6 tiểu khu 232; khoảnh 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 234; khoảnh 8, 9 tiểu khu 233; khoảnh 1, 2, 3, 4, 6 tiểu khu 237; khoảnh 5 tiểu khu 208.	67,91	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng giàu (TXG): 8,75 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng trung bình (TXB): 30,13 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng nghèo (TXN): 4,63 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 11,87 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 11,07 ha; Diện tích khác (DTK): 1,46 ha.	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch công đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự túc; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
2.2	Tuyến du lịch 02: Đỉnh Hòn Bà – Pơ mu, Thông lá dẹt	Khoảnh 9 tiểu khu 209; khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 212; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tiểu khu 213; khoảnh 4 tiểu khu 240; khoảnh 1 tiểu khu 237A. - Phân khu vệ bảo nghiêm ngặt: khoảng 6,71 km. - Phân khu phục hồi sinh thái: khoảng 3,23 km.	216,66	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng giàu (TXG): 28,72 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 44,16 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 20,22 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 93,32 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 25,53 ha; Diện tích khác (DTK): 4,71 ha.	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng
2.3	Tuyến du lịch 03:	Khoảnh 1, 3, 5, 6, 9, 10	232,88	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 93,32 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 25,53 ha; Diện tích khác (DTK): 4,71 ha.	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
2.4	Tuyến du lịch 04: Đỉnh	Khoảnh 3, 4, 5, 7 tiểu khu 237; khoảnh	135,10	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng giàu (TXG):	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội	2023-2029	- Tự chức; tổ	Đã cho thuê môi
	Đỉnh Hòn Bà - Yang Bay (Khánh Phú)	tiểu khu 204; khoảnh 3, 4 Tiểu khu 204a; khoảnh 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Tiểu khu 209; khoảnh 1 tiểu khu 212; khoảnh 1, 2 tiểu khu 213. - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: khoảnh 15,57 km. - Phân khu phục hồi sinh thái: khoảnh 0,31 km.		rừng lá rừng giàu (TXG): 33,24 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng trung bình (TXB): 24,43 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng nghèo (TXK): 76,17 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 77,97 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 9,29 ha; Diện tích khác (DTK): 11,78 ha.	lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.		- Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
	Hòn Bà – Km 21	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tiểu khu 240. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: khoảng 10,9 km.		57,76 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 31,82 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 7,49 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXXK): 32,67 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 4,88 ha; Diện tích khác (DTK): 0,48 ha.	thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.		- Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	trường rừng
2.5	Tuyến du lịch 05: Đỉnh Hòn Bà – Thác Tà Gụ (Khánh Sơn)	Khoảnh 7 tiểu khu 213; khoảnh 4, 5, 7, 8 tiểu khu 240; khoảnh 5 tiểu khu 241; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 262; khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 263; khoảnh	160,61	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng giàu (TXG): 33,02 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 30,13 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 44,78 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXXK):	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự tổ chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
		1 tiểu khu 268. - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: khoảng 3,98 km. - Phân khu phục hồi sinh thái: khoảng 6,8 km.		23,86 ha; Diện tích khác (DTK): 28,82 ha.				
2.6	Tuyến du lịch 06: Suối Giang Mây (Km 27 – Km 21)	Khoảnh 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 237; khoảnh 1, 5 tiểu khu 240. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: khoảng 5,3 km.	72,32	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng giàu (TXG): 10,11 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng trung bình (TXB): 24,02 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng nghèo (TXN): 2,99 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rừng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 30,7 ha; Diện tích khác (DTK): 4,5 ha.	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch công đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự tổ chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
2.7	Tuyến du lịch 07: Thung lũng Ô Kha (Chi Chay - Thung lũng Ô Kha)	Khoảnh 2, 3, 4, 5 tiểu khu 239; khoảnh 1, 3, 5, 6 tiểu khu 242; khoảnh 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 272. - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: khoảnh 7, 81 km. - Phân khu phục hồi sinh thái: khoảnh 18,6 km.	199,73	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng giàu (TXG): 50,49 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 66,11 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 20,45 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 33,75 ha; Rừng trồng khác núi đất (RTK): 0,28 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 14,25 ha; Diện tích khác (DTK): 14,4 ha.	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.	2023-2029	- Tự chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Đã cho thuê môi trường rừng
2.8	Tuyến 08: Km 20 - Xã Sơn Trung	Khoảnh 4 tiểu khu 237; khoảnh 3, 6, 7, 8 tiểu khu 240; khoảnh 1, 2, 3, 5 tiểu	162,83	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 23,69 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 61,26 ha; Rừng lá	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải	2023-2029	- Tự chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Chưa cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
		khu 241; khoảnh 1 tiểu khu 242; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 268. - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: khoảnh 7,47 km. - Phân khu phục hồi sinh thái: khoảnh 5,95 km.		rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo kiệt (TXK): 43,75 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 32,63 ha; Diện tích khác (DTK): 1,5 ha.	nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.			
2.9	Tuyến Km 09: Suối Cá	Khoảnh 4, 5, 6, 7, 8, 10 tiểu khu 235; khoảnh 1, 4 tiểu khu 237. - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: khoảnh 6,01 km.	93,65	Hiện trạng rừng: Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng giàu (TXG): 2,73 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng trung bình (TXB): 30,72 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá rừng nghèo (TXN): 20,05 ha; Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng	Du lịch khám phá thiên nhiên; Du lịch hội nghị, hội thảo; Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Du lịch cộng đồng; Du lịch trải nghiệm trồng cây lưu dấu; Du lịch chăm sóc sức	2023-2029	- Tự tổ chức; - Hợp tác, liên kết; - Cho thuê môi trường rừng.	Chưa cho thuê môi trường rừng

STT	Tên điểm, tuyến du lịch	Vị trí (Tiểu khu, phân khu)	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Mục đích	Thời gian thực hiện	Dự kiến phương thức thực hiện	Tình trạng
		- Phân khu phục hồi sinh thái: khoảng 1,18 km.		lá rừng nghèo kiệt (TXK): 28,55 ha; Diện tích có cây tái sinh (DTTS): 11,6 ha.	khỏe; Du lịch văn hoá, lịch sử.			
	Tổng diện tích 09 tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (tổng chiều dài các tuyến 148,16 km)		1.341,69					

Phụ lục II.

DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ TẠI CÁC ĐIỂM, TUYẾN KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN HÒN BÀ, TỈNH KHÁNH HÒA, GIAI ĐOẠN 2023 – 2029

(Kèm theo Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

ST T	Tên điểm, tuyến du lịch	Chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí							
		Vị trí, địa điểm	Phân khu	Diện tích (ha)	Quy mô xây dựng (ha)	Mật độ, tỷ lệ xây dựng (%)	Chiều cao (m)	Thời gian tồn tại của các công trình	Vật liệu
I	Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí								
1.1	Điểm du lịch sinh thái đỉnh Hòn Bà	Khoảnh 1 tiểu khu 213A, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh; khoảnh 1 tiểu khu 237A, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.	Phân khu dịch vụ, hành chính	103,73	3,55	3,42	12 tính từ cốt ±0.00m.	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng.
1.2	Điểm du lịch suối Dầu	Khoảnh 8, 9 tiểu khu 233 và khoảnh 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 234, xã Suối Cát; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 238 và khoảnh 1, 2 tiểu khu 239, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.	Phân khu dịch vụ, hành chính Phân khu phục hồi sinh thái	108,81 338,64	3,08 3,62	0,69 1,07	12 tính từ cốt ±0.00m.	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng.

ST T	Tên điểm, tuyến du lịch	Chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí							
		Vị trí, địa điểm	Phân khu	Diện tích (ha)	Quy mô xây dựng (ha)	Mật độ, tỷ lệ xây dựng (%)	Chiều cao (m)	Thời gian tồn tại của các công trình	Vật liệu
1.3	Điểm du lịch sinh thái check- in, ngắm cảnh và quan sát động, thực vật	Khoảnh 2, 4, 5, 6, 8, 9 tiểu khu 234; khoảnh 1, 2, 3, 4, 6 tiểu khu 237; khoảnh 1 tiểu khu 237A, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm và khoảnh 5 tiểu khu 208; khoảnh 8 tiểu khu 209, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hoà.	Phân khu dịch vụ, hành chính	0,28	0,11	0,09	12 tính từ cột ±0.00m.	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng.
			Phân khu phục hồi sinh thái	53,37	1,07	2,0			
1.4	Điểm du lịch suối Cá	Khoảnh 6, 8 tiểu khu 233; khoảnh 5, 7, 9, 10 tiểu khu 235, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.	Phân khu phục hồi sinh thái	452,0	9,0	1,99	12 tính từ cột ±0.00m.	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng.
1.5	Điểm du lịch suối Giang Mây	Khoảnh 4, 5, 6, 7 tiểu khu 238; khoảnh 1, 2, 4, 5 tiểu khu 239, xã Suối	Phân khu phục hồi sinh thái	327,51	6,40	1,95	12 tính từ cột ±0.00m.	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định

ST T		Chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí									
Tên điểm, tuyến du lịch		Vị trí, địa điểm	Phân khu	Diện tích (ha)	Quy mô xây dựng (ha)	Mật độ, tỷ lệ xây dựng (%)	Chiều cao (m)	Thời gian tồn tại của các công trình	Vật liệu		
		Tân Lâm, huyện Cam Hoà.							về quản lý vật liệu xây dựng.		
Tổng diện tích 05 điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí			Phân khu dịch vụ, hành chính	212,82	6,74	0,46	12 tính từ cốt ±0.00m.	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng.		
			Phân khu phục hồi sinh thái	1.171,52	20,09	1,71					
			Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	68,1	-	-					
II		Tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí									
2.1	Tuyến du lịch 01: Tuyến nhựa bắt đầu từ chân núi	Khoảnh 4, 5, 6 tiểu khu 232; khoảnh 5, 6, 7, 8, 9 tiểu khu 234; khoảnh 8, 9	Phân khu bảo vệ	67,91	-	-	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định		

ST T	Tên điểm, tuyến du lịch	Chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí									
		Vị trí, địa điểm	Phân khu	Diện tích (ha)	Quy mô xây dựng (ha)	Mật độ, tỷ lệ xây dựng (%)	Chiều cao (m)	Thời gian tồn tại của các công trình	Vật liệu		
	lên đỉnh Hòn Bà	tiểu khu 233; khoảnh 1, 2, 3, 4, 6 tiểu khu 237; khoảnh 5 tiểu khu 208.	Phân khu phục hồi sinh thái	124,79	2,0	1,60	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng		
2.2	Tuyến du lịch 02: Đỉnh Hòn Bà – Pơ mu, Thông lá dẹt	Khoảnh 9 tiểu khu 209; khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 212; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tiểu khu 213; khoảnh 4 tiểu khu 240; khoảnh 1 tiểu khu 237A.	Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	91,87	-	-	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng		
2.3	Tuyến du lịch 03: Đỉnh Hòn Bà - Yang Bay (Khánh Phú)	Khoảnh 1, 3, 5, 6, 9, 10 tiểu khu 204; khoảnh 3, 4 Tiểu khu 204a; khoảnh 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Tiểu khu 209; khoảnh 1 tiểu khu 212; khoảnh 1, 2 tiểu khu 213.	Phân khu phục hồi sinh thái	34,61	0,65	1,88	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng		
			Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	198,27	-	-					

ST T	Tên điểm, tuyến du lịch	Chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí							Vật liệu
		Vị trí, địa điểm	Phân khu	Diện tích (ha)	Quy mô xây dựng (ha)	Mật độ, tỷ lệ xây dựng (%)	Chiều cao (m)	Thời gian tồn tại của các công trình	
2.4	Tuyến du lịch 04: Đỉnh Hòn Bà – Km 21	Khoảnh 3, 4, 5, 7 tiểu khu 237; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tiểu khu 240.	Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	135,10	-	-	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng
2.5	Tuyến du lịch 05: Đỉnh Hòn Bà – Thác Tà Gụ (Khánh Sơn)	Khoảnh 7 tiểu khu 213; khoảnh 4, 5, 7, 8 tiểu khu 240; khoảnh 5 tiểu khu 241; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 262; khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 263; khoảnh 1 tiểu khu 268.	Phân khu phục hồi sinh thái	97,91	1,50	1,53	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng
				62,70	-	-	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng
2.6	Tuyến du lịch 06: Suối Giang Mây (Km 27 – Km 21)	Khoảnh 2, 3, 4, 5, 6 tiểu khu 237; khoảnh 1, 5 tiểu khu 240.	Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	72,32	-	-	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng
2.7	Tuyến du lịch 07: Thung lũng Ô Kha (Chi	Khoảnh 2, 3, 4, 5 tiểu khu 239; khoảnh 1, 3, 5, 6 tiểu khu 242; khoảnh 2,	Phân khu phục hồi sinh thái	116,33	2,0	1,72	12m tính từ cốt ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định

ST T	Tên điểm, tuyến du lịch	Chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí									
		Vị trí, địa điểm	Phân khu	Diện tích (ha)	Quy mô xây dựng (ha)	Mật độ, tỷ lệ xây dựng (%)	Chiều cao (m)	Thời gian tồn tại của các công trình	Vật liệu		
	Chay - Thung lũng Ô Kha)	3, 4, 5, 6, 7, 8 tiểu khu 272.	Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	83,40	-	-			về quản lý vật liệu xây dựng		
2.8	Tuyến 08: Km 20 - Xã Sơn Trung	Khoảnh 4 tiểu khu 237; khoảnh 3, 6, 7, 8 tiểu khu 240; khoảnh 1, 2, 3, 5 tiểu khu 241; khoảnh 1 tiểu khu 242; khoảnh 1, 2, 3 tiểu khu 268.	Phân khu phục hồi sinh thái Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	44,05 118,78	0,80 -	1,82 -	12m tính cột từ ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng		
2.9	Tuyến 09: Km 20 - Suối Cá	Khoảnh 4, 5, 6, 7, 8, 10 tiểu khu 235; khoảnh 1, 4 tiểu khu 237.	Phân khu phục hồi sinh thái Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	26,54 67,11	0,50 -	1,88 -	12m tính cột từ ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng		

ST T	Tên điểm, tuyến du lịch	Chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại các điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí							Vật liệu
		Vị trí, địa điểm	Phân khu	Diện tích (ha)	Quy mô xây dựng (ha)	Mật độ, tỷ lệ xây dựng (%)	Chiều cao (m)	Thời gian tồn tại của các công trình	
Tổng diện tích 09 tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (tổng chiều dài các tuyến 148,16 km)		Phân khu phục hồi sinh thái	444,23	7,45	1,68	12m tính từ ±0.00m	Tuổi thọ công trình 30 năm	Sử dụng vật liệu xây dựng theo quy định về quản lý vật liệu xây dựng	
		Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	897,46	-	-				

Phụ lục III.
**THUYẾT MINH ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT,
GIAO THÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ
DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN HÒN BÀ, TỈNH
KHÁNH HÒA, GIAI ĐOẠN 2023 – 2029**

(Kèm theo Quyết định số 1948 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. QUY HOẠCH GIAO THÔNG

1. Thiết kế quy hoạch mạng lưới đường đảm bảo liên hệ giữa các khu chức năng trong khu vực, phục vụ thuận tiện nhu cầu giao thông giữa các điểm tuyến du lịch sinh thái, đảm bảo mỹ quan và phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kinh tế, kỹ thuật.

2. Ưu tiên tận dụng tối đa các tuyến đường hiện trạng đã có trong khu vực các tuyến đường mòn, đường tuần tra bảo vệ, đường băng cản lửa kết hợp du lịch sinh thái trong khu vực nghiên cứu.

3. Đối với khu vực đỉnh đồi núi hạn chế các phương tiện giao thông xe cơ giới, ưu tiên sử dụng các tuyến xe thân thiện môi trường. Hệ thống giao thông bao gồm các tuyến đường giao thông nội bộ, tuyến đường mòn, đường sàn đạo dưới tán rừng, các điểm dừng đỗ và tránh xe, các tuyến giao thông được bố trí sát địa hình để độ dốc dọc không vượt quá quy định theo quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đảm bảo lưu thông thuận tiện, các tuyến giao thông được bố trí hài hòa, kết nối các khu vực có địa hình không quá dốc, nhằm tạo điều kiện cho việc bố trí các công trình tại các khu vực có khoảng đất trống, khu vực dưới tán rừng có thể xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

4. Tuyến đường được lập các tuyến đường bộ phù hợp tối đa không vượt quá quy mô đường cấp IV miền núi và bám theo đường địa hình của khu vực. Đường cáp trên không (Zipline) định hướng trên bản đồ sẽ được thiết kế chi tiết tại bước lập dự án được thay đổi vị trí, chiều dài tuyến đường cáp theo ý tưởng đầu tư của nhà đầu tư tại từng tuyến điểm.

5. Tùy thuộc vào điều kiện hiện trạng để khoanh vùng giải pháp san nền, kết hợp giữa hiện trạng và thiết kế mới tổ chức hài hòa giữa nền và thoát nước hợp lý đảm bảo khu vực không bị ngập úng, đồng thời đảm bảo độ dốc tối thiểu. Cao độ nền giao thông đảm bảo bám sát đường đồng mức tự nhiên cố gắng sử dụng đến mức tối đa những mặt tốt của điều kiện tự nhiên, tận dụng hình dáng địa hình sẵn có, giữ những vùng cây xanh hiện trạng và các lớp đất màu nhằm mang hiệu về kiến trúc cảnh quan và không ảnh hưởng. Việc thiết kế, xây dựng nút giao điểm đầu nối phải tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn và

yêu cầu thiết kế của ô tô hiện hành, đảm bảo khả năng thông hành và an toàn giao thông.

6. Việc thiết kế, xây dựng nút giao điểm đầu nối phải tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, đảm bảo khả năng thông hành và an toàn giao thông.

7. Các chủ thể thực hiện tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục, hồ sơ, thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải trong quá trình thực hiện.

II. QUY HOẠCH CẤP ĐIỆN

1. Các chủ thể có nhu cầu cấp điện xây dựng hệ thống cấp điện hoàn chỉnh riêng biệt, bao gồm hệ thống cấp điện trung thế 22KV, hệ thống hạ thế 0,4KV và hệ thống chiếu sáng công cộng. Nguồn điện lấy từ hệ thống đường điện hiện trạng đã có từ xã Suối Cát lên đỉnh Hòn Bà. Khi triển khai thực hiện dự án tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng sẽ phối hợp với đơn vị quản lý điện tại địa bàn để có phương án tháo dỡ hoàn toàn tuyến cũ. Nâng cấp, thay mới tuyến đường dây đảm bảo cấp điện vận hành theo nhu cầu vận hành tại thời điểm thực hiện dự án.

2. Các điểm du lịch, tuyến du lịch không có đường điện hiện trạng, chủ thể dựa vào Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là QH318); Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa và mặt bằng quy hoạch dự kiến điểm đầu nối điện, tính toán công suất phụ tải điện của điểm thuê môi trường rừng, lập bộ hồ sơ xin thỏa thuận đầu nối điện với đơn vị quản lý điện tại địa bàn, bảo đảm phù hợp theo quy định.

3. Về nhu cầu công suất, chi tiết lưới điện cấp nguồn cho khu vực: Khi triển khai thực hiện dự án chi tiết theo Đề án, tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng sẽ tính toán công suất điện theo ý tưởng đầu tư của từng điểm, tuyến du lịch, lập hồ sơ phối hợp với ngành điện để khảo sát và thỏa thuận điểm đầu nối theo quy định hiện hành, khuyến khích nghiên cứu đầu xây dựng lưới điện theo tiêu chí N-1 để nâng cao năng lực cấp điện cho dự án.

4. Trên cơ sở Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 - 2029 của Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà và Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được duyệt, Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà đề xuất nâng cấp hoặc bố trí mới các trạm biến áp hiện có nhằm đảm bảo công suất trạm do gia tăng phụ tải sử dụng (nếu có) với các cơ quan chức năng có liên quan tại địa phương. Chủ thể có liên quan chủ động thiết kế công trình điện đủ điều kiện để đầu nối vào mạng lưới điện của ngành điện theo đúng quy định.

III. QUY HOẠCH HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC

Hệ thống thông tin liên lạc dựa vào bản đồ vị trí đầu nối thông tin liên lạc. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng chủ động làm việc với nhà cung cấp để đầu nối đảm bảo đáp ứng thông tin liên lạc. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông (hầm, hào, tuynel, cống, bể, ống) trên trục đường chính trong khu vực, đảm bảo hiệu quả đầu tư và các chỉ tiêu kỹ thuật. Phát triển tuyến truyền dẫn đến tất cả các khu vực dịch vụ, lưu trú đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng. Hoàn thiện hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Cập nhật quang hóa hệ thống mạng ngoại vi khu vực đến tủ chia cáp và đến từng đường dây thuê bao. Ngầm hóa mạng ngoại vi diện rộng trên địa bàn, cột ăng ten phát triển theo hướng sử dụng chung, phát triển mạng hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng ngụy trang đảm bảo mỹ quan cho khu vực thuê môi trường rừng.

IV. QUY HOẠCH CẤP NƯỚC

1. Cấp nước: Hệ thống cấp nước được khai thác từ nguồn nước mặt tại các con suối như sông Suối Dầu, suối Cá, Suối Đá Hàn, Suối Đá Nhảy, Suối Giót, Suối Giang Mây, khe nước, mớ nước,... trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ các hoạt động du lịch tại các điểm tham quan.

2. Đối với các điểm du lịch nằm phân tán, giải pháp cấp nước cho điểm là xây dựng các trạm xử lý nước riêng biệt tại từng điểm, sau khi xử lý đạt yêu cầu, nước sạch được bơm vào bể chứa sau đó sử dụng cho hoạt động du lịch.

3. Đối với các điểm không có nguồn nước mặt, sử dụng khoan thăm dò các mạch nước ngầm khai thác sử dụng, đảm bảo theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

4. Việc sử dụng tài nguyên nước mặt, nước ngầm đảm bảo theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

V. QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC THẢI

1. Thoát nước và xử lý nước thải, chỉ tiêu thoát nước thải bằng 100% lưu lượng cấp nước theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan khi triển khai thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí sẽ thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đầu tư xây dựng hệ thống đường ống gom nước thải về bể chứa của trạm xử lý nước thải theo dạng mô-đun tại từng điểm du lịch.

4. Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, Chất thải phát sinh của dự án sẽ được quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật và hồ sơ môi trường được duyệt.

VI. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY



1. Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, đầu tư xây dựng, vận hành các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, các quy chuẩn, tiêu chuẩn về giải pháp phòng cháy, chữa cháy.

2. Tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy theo phương châm 4 tại chỗ; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy ở từng tuyến, điểm tổ chức du lịch; hoàn thiện các công trình phòng cháy, chữa cháy nói chung và phòng cháy, chữa cháy rừng nhằm phát hiện sớm cháy rừng, huy động lực lượng chữa cháy kịp thời.

3. Thường xuyên tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy cho cộng đồng dân cư, khách du lịch, các đơn vị kinh doanh dịch vụ.